

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**Năm 2015**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH Năm 2015**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

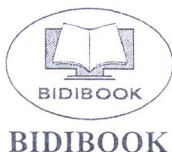
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định theo Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/05/2012 với mã số doanh nghiệp 4100259437.

Công ty là đơn vị thành viên của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là 29/01/2010

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.264.740.000 đồng tương ứng: 1.126.474 cổ phiếu.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **Bình Định Book and Equipment Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **BIDIBOOK**
- Địa chỉ: **219 Nguyễn Lữ, P. Ngô Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**
- Điện thoại: **056.3522645 – 056.3522453**
- Fax: **056.3522853**
- Email : **[bidisabico@vnn.vn](mailto:bidisabico@vnn.vn)**
- Website: **<http://www.sachthietbibinhdin.com.vn/>**
- Logo:



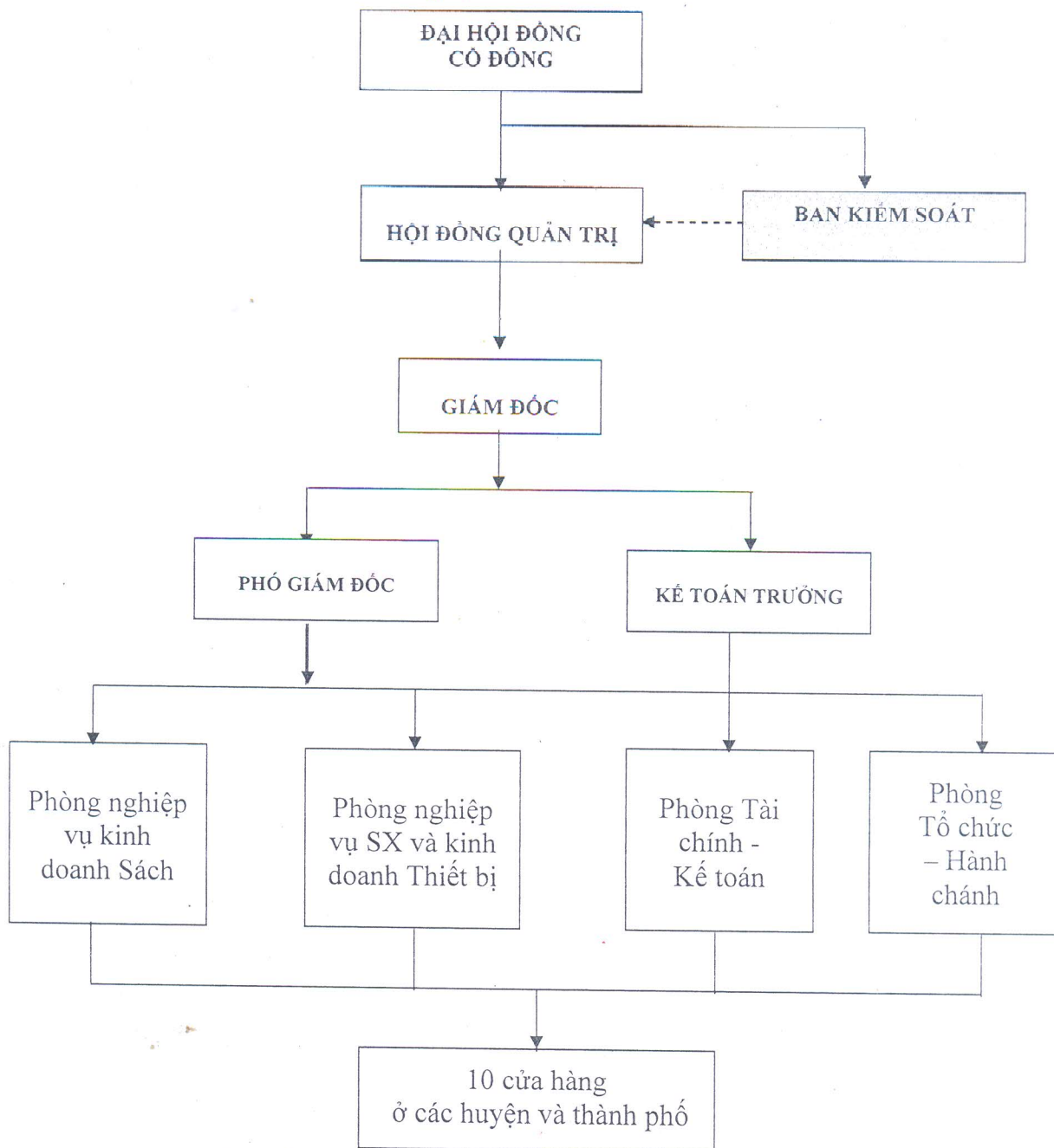
**+ Ngành nghề kinh doanh chính**

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm ( Chi tiết: Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm)
- Khách sạn
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại
- Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa;
- In lụa;
- Sản xuất và mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề, thiết bị điện tử, vi tính, công nghệ thông tin, phần mềm tin học và thiết bị văn phòng;
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Sản xuất và mua bán bao bì các loại, sản phẩm gỗ;
- Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

*(Hoạt động phải đảm bảo điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định)*

- Trụ sở chính của Công ty có diện tích gần 3.000m<sup>2</sup> tọa lạc tại thành phố Quy Nhơn – trung tâm tỉnh lỵ, Công ty có 10 cửa hàng bán sỉ – lẻ nằm tại trung tâm thành phố và phân bố đều tại trung tâm các huyện/thị xã của Tỉnh .

**- Cơ cấu tổ chức của công ty :**



+ Đại hội Đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

+ Hội đồng quản trị : Gồm có 05 người.

+ Ban Kiểm soát : Gồm có 03 người.

+ Ban Giám đốc và Kế toán trưởng : Ban Giám đốc Công ty có 2 người (1 Giám đốc và 1 Phó Giám đốc) và 1 Kế toán trưởng.

+ Cơ cấu Công ty gồm :

- 04 phòng chức năng : Phòng kinh doanh Sách, Phòng SX - Kinh doanh Thiết bị, phòng Tài chính – Kế toán và phòng Tổ chức – Hành chính;
- 10 cửa hàng được phân bố đều các huyện và thành phố

### **Định hướng phát triển**

#### **+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :**

Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định là đơn vị hậu cần của ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện để đạt mục đích là lợi nhuận. Không ngừng mở rộng và phát triển các ngành nghề, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của ngành giáo dục và của xã hội, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

#### **+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tăng cường và đầu tư thích đáng về mọi mặt cho hoạt động tiếp thị để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao doanh thu, thu nhập;
- Bằng nhiều biện pháp, mở rộng hệ thống bán lẻ, nhà sách;
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng doanh thu, thu nhập.
- Tiếp tục cơ cấu lại vốn kinh doanh theo hướng giảm tỷ trọng tài sản cố định;
- Tiếp tục tinh giảm biên chế để tăng năng suất lao động và tăng thu nhập.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **+ Kết quả hoạt động SXKD trong năm**

Năm 2015, nền kinh tế nước ta tuy đã hồi phục, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức chi phí vận chuyển vẫn còn cao nhưng với tinh thần chịu khó của toàn thể CBNV, Công ty đã cố gắng tìm mọi biện pháp để vượt qua và hoàn thành kế hoạch doanh thu. Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Chi tiêu	TH 2014 (1.000đ)	KH 2015 (1.000đ)	TH 2015 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2014	KH 2015
1- Tổng doanh thu	56.263.487	55.200.000	55.335.896	98,35	100,25
Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	55.526.562	54.000.000	54.174.338	97,56	100,32
2- Tổng chi phí	55.751.691	53.700.000	54.516.052	97,78	101,52
Trong đó: Giá vốn hàng bán	50.726.562	48.600.000	49.132.981	96,86	101,10
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	90,98	90,00	90,69	99,69	100,77
4- Lợi nhuận trước thuế	511.797	1.500.000	819.844	160,19	54,66

Năm 2015, mặc dù Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhưng kết quả đem lại chưa được như kỳ vọng. Tổng doanh thu chỉ bằng 98,35% với cùng kỳ năm trước, nhưng đạt 100,25% so với kế hoạch; đặc biệt là lợi nhuận trước thuế tuy chỉ đạt 54,66% so với kế hoạch, nhưng vượt 60,19% so với cùng kỳ. Kết quả nêu trên được đánh giá cơ bản như sau :

- Năm 2015 kinh tế cả nước nói chung, Tỉnh Bình Định nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, giá cả một số mặt hàng vẫn còn cao, thị trường sách, lịch trên địa bàn tỉnh chịu sự cạnh tranh rất gay gắt và luôn trong tình trạng bất ổn,... . Do đó Công ty đã đề ra các biện pháp, cơ chế, chính sách uyển chuyển, linh hoạt, phù hợp với thị trường để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cố gắng tăng doanh thu, giữ thị phần tại địa phương nên chiết khấu bán hàng vẫn còn cao. Tuy một số chi phí đầu vào đều tăng cao như tiền thuê đất, trợ cấp thôi việc,..., nhưng nhờ cơ chế bán hàng thu tiền ngay có chiết khấu cao của NXBGDVN nên tỷ lệ giá vốn có thấp hơn năm 2014. Ngoài ra năm 2015 Công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng các mặt bằng công ty nên lợi nhuận năm 2015 tăng cao hơn năm trước.

- Tuy vậy vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:
- + Cơ cấu tổ chức còn công kênh, chưa hợp lý; năng suất lao động chưa cao.
- + Chưa khai thác triệt để lợi thế của doanh nghiệp. Cơ cấu vốn còn bất hợp lý, bất động sản còn chiếm tỷ trọng lớn.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### - Ban điều hành của Công ty gồm 03 người:

01 Giám đốc - 01 Phó giám đốc - 01 Kế toán trưởng gồm các ông, bà sau:

- Ông Phạm Đình Thuần - Giám đốc Công ty
- Ông Đỗ Hữu Long - Phó giám đốc Công ty
- Bà Diệp Cẩm Nhung - Kế toán trưởng

### - Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

\* Ông : Phạm Đình Thuần - Chức vụ: Thành viên HĐQT – Giám đốc công ty

Sinh ngày: 16 – 02 – 1964

Quê quán: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 11/4 Ngô Mây, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 14.500 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

\* Ông : Đỗ Hữu Long – Chức vụ : Thành viên HĐQT – Phó GD Công ty

Sinh ngày: 04 – 06 – 1959

Quê quán: Nhơn Hạnh, An Nhơn , Bình Định

Địa chỉ thường trú: 15 Trần Nguyên Đán, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 16.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan

Vợ: Võ thị Ngọc Nga; số lượng cổ phần sở hữu: 4.400 cổ phần

\* Bà: Diệp Cẩm Nhung - Chức vụ: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Sinh ngày: 24 - 07 - 1968

Quê quán: Xã Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định

Địa chỉ: 216 Nguyễn Thị Định, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.896 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

Tổng số công nhân viên của Công ty hiện có đến tại thời điểm 31/12/2015 là 42 người. Trong đó, cán bộ quản lý 5 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương, thưởng trong toàn Công ty theo đúng quy định. Mức lương trả cho người lao động được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu trên địa bàn tỉnh. Mức thu nhập bình quân năm 2015 là 3.600.000đ

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2015 Công ty không có khoản đầu tư và dự án nào lớn

### 4. Tình hình tài chính

#### \* Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	TH 2014 (1.000đ)	TH 2015 (1.000đ)	% tăng giảm
1- Tổng giá trị tài sản	15.303.753	15.281.489	-0,15
2- Doanh thu thuần	55.526.956	54.174.338	-2,44
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	146.844	195.305	33,00
4- Lợi nhuận khác	364.953	624.539	71,13
5- Lợi nhuận trước thuế	511.797	819.844	60,19
4- Lợi nhuận sau thuế	393.139	630.865	60,47
5- Tỷ lệ trả cổ tức	3%	5%	66,67

**\* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

	Năm 2014	Năm 2015
<b>+ Khả năng thanh toán :</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	3,38	3,65
- Hệ số T.toán nhanh [(TSNH – hàng tồn kho)/Nợ N.hạn]	1,83	1,81
<b>* Năng lực hoạt động</b>		
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	3,63	3,55
- Vòng quay hàng tồn kho	9,66	9,84
<b>* Cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,68	0,67
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,32	0,33
<b>* Cơ cấu nguồn vốn</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,20	0,18
+ Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,80	0,82
<b>+ Khả năng sinh lời :</b>		
	Năm 2014	Năm 2015
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần :	0,007	0,01
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,05
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,026	0,04
- Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0026	0,0036

**\* Những thay đổi về vốn cổ đông.**

Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 01/03/2016	Số Cổ phần	Giá trị (1000đ)	Tỷ lệ
1- Cổ đông là Nhà nước (NXBGDVN)	452.523	4.525.230	40,17
2- Cổ đông nội bộ	37.122	371.220	3,3
HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	32.396	323.960	2,88
Ban Kiểm soát	4.726	47.260	0,42
3- Cổ đông trong Công ty	84.952	849.520	7,54
Tập thể	18.000	180.000	1,60
CBCVN	66.952	669.520	5,94
4- Cổ đông ngoài Công ty	551.877	5.518.770	48,99



Cá nhân	259.927	2.599.270	23,07
Tổ chức	291.950	2.919.500	25,91
<b>Cộng ,</b>	<b>1.126.474</b>	<b>11.264.740</b>	<b>100,00</b>

\* Tổng số cổ phiếu đến thời điểm 31/12/2015 : 1.126.474 cổ phiếu. Trong đó

- Tổng số cổ phiếu thường : 1.126.474 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : Không

\* Tổng số trái phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2015 : Không (theo từng loại trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

\* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2015 là: 1.126.474 cổ phiếu.

\* Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không

\* Cổ tức : cổ tức công bố chia cho cổ đông là: 5%/năm, tương đương với số tiền là : 563.237.000đ

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, mặc dù Nhà nước đã có nhiều giải pháp để ổn định kinh tế, lãi vay ngân hàng giảm, nền kinh tế đã hồi phục nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; giá cả một số mặt hàng có nhiều biến động, đặc biệt là chi phí vận chuyển tăng cao ở giai đoạn đầu năm, thị trường sách Miền trung cạnh tranh gay gắt. Trong năm 2015 Công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện nhiệm vụ công tác của mình và đã đạt được một số kết quả . Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	TH 2014 (1.000đ)	KH 2015 (1.000đ)	TH 2015 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2014	KH 2015
1- Tổng doanh thu	56.263.488	55.200.000	55.335.896	98,35	100,25
Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV :	55.526.562	54.000.000	54.174.338	97,56	100,32
2- Tổng chi phí	55.751.691	53.700.000	54.516.052	97,78	101,52
Trong đó: Giá vốn hàng bán	50.726.562	48.600.000	49.132.981	96,86	101,10
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	90,98	90	90,69	99,68	100,77
4- Lợi nhuận trước thuế	511.797	1.500.000	819.844	160,19	54,66
5- Lợi nhuận sau thuế	393.139	1.140.000	630.865	160,47	55,34

Năm 2015, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chủ động tìm biện pháp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Thực hiện tốt chính sách bán hàng thu tiền ngay có chiết khấu cao để chiếm lĩnh thị trường sách giáo khoa, thực hiện cơ chế giá bán văn phòng phẩm linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng do đó đã hoàn thành kế hoạch doanh thu với tỷ lệ 100,32%.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt 54,66% so với kế hoạch, nhưng tăng 60,19% so với năm 2014. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ đạt 195,305 triệu đồng, nhưng tăng 33,00% so với năm 2014 là do năm 2015 giá vốn nhóm hàng sách giao khoa giảm (do NXB tăng chiết khấu bán hàng trong giai đoạn đầu của thang phát hành phục vụ hè).

- Lợi nhuận từ thu nhập khác năm 2015 tăng 34,55% so với năm 2014, tương ứng với số tiền là 188,845 triệu đồng. Số tăng trên chủ yếu từ thu nhập cho thuê nhà.

Với hai nguyên nhân nêu trên đã làm cho Lợi nhuận sau thuế và Thuế TNDN năm 2015 tăng với tỷ lệ tương ứng.

Về công tác thu hồi nợ: Đã theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ kịp thời, nên số dư nợ phải thu của khách hàng tại thời điểm 31/12/2015 giảm 54,45% so với cùng kỳ. Đây là mức dư nợ thấp nhất trong nhiều năm qua. Nên công tác thu hồi nợ năm 2015 đã thực hiện rất tốt.

### ***Những tiến bộ Công ty đã đạt được***

- Giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Sử dụng mặt bằng của Công ty có hiệu quả hơn;
- Đã xây dựng và điều chỉnh các quy định nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở thực hiện thống nhất trong toàn Công ty.

## **2. Tình hình tài chính**

### **- Tình hình tài sản:**

#### **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT NĂM 2014:**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Số cuối năm (31/12/2015)</b>	<b>Số đầu năm (31/12/2014)</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>10.291.057.796</b>	<b>10.435.617.182</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.818.816.924	2.776.223.634
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.256.804.301	2.854.647.924
III. Hàng tồn kho	5.198.512.010	4.792.864.374
IV. Tài sản ngắn hạn khác	16.924.561	11.881.250
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>4.990.430.862</b>	<b>4.868.136.317</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	4.888.740.610	4.842.836.279
Trong đó:		
1- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	1.158.357.437	1.028.924.166
+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình	5.603.444.059	5.429.706.523
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(4.445.086.622)	(4.400.782.357)
2 – Giá trị còn lại TSCĐ vô hình	3.730.383.173	3.813.912.113
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình	4.108.352.900	4.108.352.900
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(377.969.727)	(294.440.787)
3 – Chi phí XDCB dở dang		
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		

<b>TÀI SẢN</b>	Số cuối năm (31/12/2015)	Số đầu năm (31/12/2014)
IV. Tài sản dài hạn khác	101.690.252	25.300.038
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>15.281.488.658</b>	<b>15.303.753.499</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.821.615.494</b>	<b>3.088.101.091</b>
I. Nợ ngắn hạn	2.819.615.494	3.086.101.091
II. Nợ dài hạn	2.000.000	2.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>12.459.873.164</b>	<b>12.215.652.408</b>
I. Vốn đầu tư chủ sở hữu	11.264.740.000	11.264.740.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>15.281.488.658</b>	<b>15.303.753.499</b>

Tổng tài sản cuối năm giảm 0,14% so với đầu năm. Trong đó hàng tồn kho tăng cao, nhưng ngược lại mức dư nợ giảm nhiều, số tăng, giảm gần tương đương nhau nên tổng tài sản cuối năm biến động không đáng kể.

#### - Tình hình nguồn vốn

Tương tự như tổng tài sản, nguồn vốn cuối năm giảm 0,14% so với đầu năm. Trong đó giảm chủ yếu là nợ phải.

### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

#### +Phương hướng chung.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ trọng bán lẻ, hạ thấp chiết khấu và giảm tỷ trọng bán sỉ;
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ tồn kho, giảm tỷ lệ mức dư nợ, nhất là cửa hàng công ty;
- Trang bị phần mềm quản lý bán hàng ở công ty và một vài cửa hàng cũng như phần mềm kế toán tiên tiến;
- Tiếp tục tái cơ cấu vốn để giảm tỷ trọng vốn cố định. Thực hiện việc chuyển nhượng nhà 414 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, cửa hàng Tây Sơn; giao, khoán hoặc bán một số cửa hàng có hiệu quả kém như cửa hàng Hoài Ân;
- Tiếp tục khai thác triệt để lợi thế về mặt bằng Công ty tại 219 Nguyễn Lữ TP. Quy Nhơn như: cho thuê; liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng trường mẫu giáo hoặc các dịch vụ khác mà Nhà nước không cấm;
- Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy, tinh giảm lao động để nâng cao năng suất và thu nhập.

**+ Các chỉ tiêu kế hoạch 2016.**

STT	Chỉ tiêu	TH 2015 (1.000đ)	KH 2016 (1.000đ)
01	Tổng doanh thu .	55.335.896	55.000.000
06	Lợi nhuận	819.844	1.200.000
07	Cổ tức (%)	5	8

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2015, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty đã rất cố gắng phấn đấu để thực hiện nhiệm vụ SXKD. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Doanh thu đạt và vượt kế hoạch đề ra nhưng do thị trường cạnh tranh khốc liệt, chiết khấu luôn tăng cao, nên lợi nhuận đạt ở mức thấp so với chỉ tiêu kế hoạch và dẫn đến cổ tức cũng đạt thấp (chỉ đạt 62,5% kế hoạch).

Trong năm Ban giám đốc Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty, không để ra sai phạm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách đầy đủ, thực hiện tốt chính sách cho người lao động, đảm bảo ổn định đời sống cho người lao động trong doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác phúc lợi xã hội.

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Tiếp tục giữ vững mức độ tăng trưởng doanh thu như năm 2014; nâng cao tỷ trọng bán lẻ, giảm chiết khấu.
- Tiếp tục cải tổ hệ thống các cửa hàng kinh doanh; bán, khoán, cho thuê các cửa hàng kinh doanh không có hiệu quả;
- Tận dụng triệt để lợi thế sẵn có của Công ty;
- Trang bị phần mềm quản lý tiên tiến để quản lý cửa hàng, công ty. Tiếp tục cải tổ về tổ chức, sắp xếp, tinh giảm lao động

**V. Quản trị Công ty**

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên. Trong đó có 02 thành viên là không tham gia trực tiếp điều hành. Hai thành viên này đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP. Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, 03 thành viên tham gia trực tiếp điều hành công ty.

+ Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Chức vụ	Cuối năm	
		Số CP	Tỷ lệ %
1	Thành viên	452.523	40,17
2	Chủ tịch	291.950	25,92
3	Thành viên	14.500	1,29
4	Thành viên	16.000	1,42
5	Thành viên	1.896	0,17

+ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

+ Hoạt động của HĐQT .

Hội đồng quản trị công ty luôn tuân thủ các quy định nội bộ và Điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Ban điều hành :

Năm 2015, HĐQT tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ với nội dung như sau.

+ Họp Hội đồng quản trị (HĐQT) thường kỳ quý 4 năm 2014 vào ngày 09/01/2015.

- Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động SXKD, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 ..và xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện SXKD năm 2015.

- Chuẩn bị các nội dung Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 như: chuẩn bị các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, chốt danh sách cổ đông, thời gian, địa điểm, và các tài liệu liên quan.. để tổ chức Đại hội.

+ Họp Hội đồng quản trị (HĐQT) thường kỳ quý I năm 2015 vào ngày 02/04/2015.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá kết quả Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và giao kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và nhiệm vụ SXKD, công tác tài chính, kế toán,.... như nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 được Đại hội thông qua cho Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện.

- Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch quý I năm 2015, xây dựng kế hoạch quý II năm 2015, đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện và xây dựng đơn giá tiền năm 2015.

+ Họp Hội đồng quản trị (HĐQT) thường kỳ quý II năm 2015 vào ngày 9/7/2015.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát hành sách, SXKD, lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 tăng so cùng kỳ là tốt và giao chỉ tiêu kế hoạch quý III 2015 cho Ban Giám đốc tổ chức thực hiện.

- Năm 2015 phần đầu cổ tức 5% năm, thống nhất đơn giá tiền lương năm 2015 như Giám đốc trình bày, ổn định thị trường SGK và mức chiết khấu SGK theo quy định NXBGDVN, và các công tác khác.

+ Họp Hội đồng quản trị (HĐQT) thường kỳ quý III năm 2015 vào ngày 9/10/2015.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá thực hiện nhiệm vụ phát hành, hiệu quả SXKD, lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2015 tăng 218,75% so cùng kỳ là rất khả quan và đề ra các chỉ tiêu kế hoạch quý IV.2015 với các biện pháp tổ chức thực hiện.

+ Họp Hội đồng quản trị (HĐQT) thường kỳ quý IV năm 2015 vào ngày 17/12/2015.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá thực hiện nhiệm vụ phát hành, hiệu quả SXKD, lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 818,843 triệu so kế hoạch đạt 54,66%; so cùng kỳ đạt 160,19%, là triển vọng tốt trong năm đến

+ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là hai thành viên đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hai thành viên này tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT được tổ chức và rất có trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc.

Ngoài ra, các thành viên trên còn tích cực và thường xuyên, nắm bắt các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có đề xuất phát huy hoặc chấn chỉnh một cách kịp thời

+ Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên. Trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

+ Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát các hoạt của HĐQT, Ban Giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cân trọng trong quản lý, điều hành Công ty.

- Trên cơ sở nắm chắc tình hình thực tế, hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- Hàng tháng, quý trực tiếp tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, tiền gửi, kho hàng hóa.
- Hàng quý, năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định và có ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

+ Thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015 là: 55.200.000đ

+ Lương của Ban Giám đốc : Tổng tiền lương của Ban Giám đốc nhận trong năm 2015 là : 272.100.000đ. Trong đó:

Giám đốc:	111.100.000đ
Phó giám đốc:	80.500.000đ
Kế toán trưởng:	80.500.000đ

+ Tiền thưởng : Được hưởng theo Quy chế khen thưởng chung của Công ty.

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

+ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 252/2016/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/01/2016, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Hà Trung – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2444-2013-010-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### NĂM 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.291.057.796</b>	<b>10.435.617.182</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.818.816.924</b>	<b>2.776.223.634</b>
1. Tiền	111	5	818.816.924	2.776.223.634
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	1.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	-
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.266.804.301</b>	<b>2.854.647.924</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.193.505.935	2.699.255.792
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	44.713.424	24.231.872
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	245.699.171	231.336.989
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(217.114.229)	(100.176.729)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>5.198.512.010</b>	<b>4.792.864.374</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.301.607.363	4.902.685.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(103.095.353)	(109.821.222)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.924.561</b>	<b>11.881.250</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	6.924.561	11.881.250
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.990.430.862</b>	<b>4.868.136.317</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.888.740.610</b>	<b>4.842.836.279</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.158.357.437	1.028.924.166
- Nguyên giá	222		5.603.444.059	5.429.706.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.445.086.622)	(4.400.782.357)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	3.730.383.173	3.813.912.113
- Nguyên giá	228		4.108.352.900	4.108.352.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(377.969.727)	(294.440.787)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>101.690.252</b>	<b>25.300.038</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	101.690.252	25.300.038
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.281.488.658</b>	<b>15.303.753.499</b>



TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.435.617.182</b>	<b>10.880.707.315</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.776.223.634</b>	<b>2.379.159.796</b>
1.	Tiền	111	5	2.776.223.634	2.379.159.796
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.854.647.924</b>	<b>2.697.275.186</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		2.699.255.792	2.433.905.068
2.	Trả trước cho người bán	132		24.231.872	35.846.778
3.	Các khoản phải thu khác	135	6	231.336.989	268.490.249
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(100.176.729)	(40.966.909)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.792.864.374</b>	<b>5.708.512.386</b>
1.	Hàng tồn kho	141	7	4.902.685.596	5.828.911.499
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.821.222)	(120.399.113)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.881.250</b>	<b>95.759.947</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	11.881.250	1.203.406
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	660.261
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	93.896.280
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.868.136.317</b>	<b>5.219.400.896</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.842.836.279</b>	<b>5.151.327.936</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.028.924.166	1.253.886.883
	- Nguyên giá	222		5.429.706.523	5.789.706.523
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.400.782.357)	(4.535.819.640)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	10	3.813.912.113	3.897.441.053
	- Nguyên giá	228		4.108.352.900	4.108.352.900
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(294.440.787)	(210.911.847)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.300.038</b>	<b>68.072.960</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.300.038	68.072.960
2.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.303.753.499</b>	<b>16.100.108.211</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	54.447.130.730	55.639.918.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	272.792.383	112.961.440
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		54.174.338.347	55.526.956.732
4. Giá vốn hàng bán	11	23	49.132.981.485	50.726.561.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>5.041.356.862</u>	<u>4.800.395.054</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	153.350.877	189.961.401
7. Chi phí tài chính	22	25	203.855.782	123.809.700
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	203.855.782	123.809.700
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	2.365.017.809	2.478.203.753
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	2.430.529.225	2.241.499.139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>195.304.923</u>	<u>146.843.863</u>
11. Thu nhập khác	31	27	693.784.230	546.569.781
12. Chi phí khác	32	28	69.245.308	181.616.585
13. Lợi nhuận khác	40		<u>624.538.922</u>	<u>364.953.196</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>819.843.845</u>	<u>511.797.059</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	188.978.646	118.657.928
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>630.865.199</u>	<u>393.139.131</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	517	310
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	517	310

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		55.694.596.220	56.907.462.694
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(52.354.922.447)	(53.509.684.198)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.097.549.000)	(2.052.536.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	25	(203.855.782)	(123.809.700)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(204.826.898)	(117.996.926)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.400.669.629	981.896.163
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.638.629.082)	(1.546.841.957)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.595.482.640</b>	<b>538.490.076</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(403.310.000)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		91.090.909	138.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	92.512.441	59.531.643
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.219.706.650)</b>	<b>197.713.462</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	32	20.424.080.581	13.734.568.419
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	33	(20.424.080.581)	(13.734.568.419)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18, 19	(333.182.700)	(339.139.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(333.182.700)</b>	<b>(339.139.700)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(957.406.710)</b>	<b>397.063.838</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	2.776.223.634	2.379.159.796
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5, 6</b>	<b>1.818.816.924</b>	<b>2.776.223.634</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/05/2012 với mã số doanh nghiệp là 4100259437.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là 29/01/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 11.264.740.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40,17%.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (Chi tiết: Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm);
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa;
- In lụa;
- Sản xuất và mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề, thiết bị điện tử, vi tính, công nghệ thông tin, phần mềm tin học và thiết bị văn phòng;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Sản xuất và mua bán bao bì các loại, sản phẩm gỗ;
- Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

(Hoạt động phải đảm bảo điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định)

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 39) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### 4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị dụng cụ quản lý	4

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình

##### *Nguyên giá*

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### *Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### 4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khối ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.



- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

#### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

#### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

#### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

#### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

#### **4.18 Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### **4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

#### **5. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	71.562.287	139.109.454
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	747.254.637	2.637.114.180
<b>Cộng</b>	<b>818.816.924</b>	<b>2.776.223.634</b>

#### **6. Các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2015, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Bình Định có kỳ hạn là 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2015	01/01/2015
Nguyễn Thị Hoàng Yên	224.425.227	11.640.574
Võ Thị Cẩm Liên	134.027.880	81.892.474
Võ Thị Kiều Thu	191.942.554	63.642.144
Mai Thị Ngọc Nga	173.295.848	148.119.164
Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	-	428.119.000
Trường THPT Vân Canh	-	268.420.000
Nguyễn Thị Tuyết Trinh	-	295.693.450
Các đối tượng khác	469.814.426	1.401.728.986
<b>Cộng</b>	<b>1.193.505.935</b>	<b>2.699.255.792</b>

**9. Trả trước cho người bán****a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Văn phòng Luật sư Võ Luật	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	30.866.646	-
Các đối tượng khác	3.846.778	14.231.872
<b>Cộng</b>	<b>44.713.424</b>	<b>24.231.872</b>

**b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	30.866.646	-
<b>Cộng</b>		<b>30.866.646</b>	<b>-</b>

**10. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	217.114.229	100.176.729
- Từ 3 năm trở lên	99.578.229	100.176.729
- Các khoản khác	117.536.000	-
<b>Cộng</b>	<b>217.114.229</b>	<b>100.176.729</b>

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	214.263.036	-	253.872.327	-
Công cụ, dụng cụ	1.100.875	-	3.376.375	-
Thành phẩm	170.443.606	59.018.562	387.930.960	56.368.516
Hàng hóa	4.915.799.846	44.076.791	4.257.505.934	53.452.706
<b>Cộng</b>	<b>5.301.607.363</b>	<b>103.095.353</b>	<b>4.902.685.596</b>	<b>109.821.222</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là 158.513.391 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/1/2015.

**12. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí bảo hiểm	6.924.561	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	7.066.250
Chi phí trả trước khác	-	4.815.000
<b>Cộng</b>	<b>6.924.561</b>	<b>11.881.250</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	45.284.813	25.300.038
Chi phí sửa chữa văn phòng	56.405.439	-
<b>Cộng</b>	<b>101.690.252</b>	<b>25.300.038</b>

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	4.765.134.059	108.000.000	481.572.464	75.000.000	5.429.706.523
Mua sắm trong kỳ	-	-	403.310.000	-	403.310.000
T/lý, nhượng bán	-	108.000.000	121.572.464	-	229.572.464
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.765.134.059</b>	<b>-</b>	<b>763.310.000</b>	<b>75.000.000</b>	<b>5.603.444.059</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	3.806.570.105	63.000.000	471.441.420	59.770.832	4.400.782.357
Khấu hao trong kỳ	165.991.154	13.500.000	42.004.530	10.750.000	232.245.684
T/lý, nhượng bán	-	76.500.000	111.441.419	-	187.941.419
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.972.561.259</b>	<b>-</b>	<b>402.004.531</b>	<b>70.520.832</b>	<b>4.445.086.622</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	958.563.954	45.000.000	10.131.044	15.229.168	1.028.924.166
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>792.572.800</b>	<b>-</b>	<b>361.305.469</b>	<b>4.479.168</b>	<b>1.158.357.437</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 424.064.636 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 2.653.697.400 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	4.108.352.900	4.108.352.900
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.108.352.900</b>	<b>4.108.352.900</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	294.440.787	294.440.787
Khấu hao trong kỳ	83.528.940	83.528.940
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>377.969.727</b>	<b>377.969.727</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	3.813.912.113	3.813.912.113
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.730.383.173</b>	<b>3.730.383.173</b>

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Tây Sơn có nguyên giá 120.137.500 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 29/05/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 3.543.068.366 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015.

**15. Phải trả người bán****a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	400.131.519	78.695.682
Công ty TNHH TM & DV Bảo Long	392.107.836	317.463.000
Doanh nghiệp Tư nhân In - SX TM & DV Hưng Phát	208.589.239	223.092.093
Các đối tượng khác	1.165.065.572	1.770.663.822
<b>Cộng</b>	<b>2.165.894.166</b>	<b>2.389.914.597</b>

**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	400.131.519	78.695.682
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	-	55.402.256
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư	69.534.946	75.374.906
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	40.929.032	39.810.802
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	-	40.379.020
<b>Cộng</b>		<b>510.595.497</b>	<b>289.662.666</b>

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Lương Thị Thương	28.331.904	-
Các đối tượng khác	24.286.820	38.110.708
<b>Cộng</b>	<b>52.618.724</b>	<b>38.110.708</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	127.142.217	196.665.317	179.088.901	144.718.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.247.559	188.978.646	204.826.898	28.399.307
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.430.015	6.430.015	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	372.971.397	372.971.397	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>171.389.776</b>	<b>777.045.375</b>	<b>775.317.211</b>	<b>173.117.940</b>

**18. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	8.128.970	10.383.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.118.807	92.279.524
- Phải trả phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	-	20.390.369
- Cổ tức phải trả	11.303.000	6.543.500
- Trợ cấp thôi việc	-	61.789.500
- Phải trả khác	72.815.807	3.556.155
<b>Cộng</b>	<b>92.247.777</b>	<b>102.663.366</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.000.000	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	11.264.740.000	441.475.679	159.700.355	337.942.200	12.203.858.234
Tăng trong kỳ	-	-	11.794.174	393.139.131	404.933.305
Giảm trong kỳ	-	-	-	393.139.131	393.139.131
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>11.264.740.000</b>	<b>441.475.679</b>	<b>171.494.529</b>	<b>337.942.200</b>	<b>12.215.652.408</b>
Chuyển số dư (*)		171.494.529	(171.494.529)		
Số dư tại 01/01/2015	11.264.740.000	612.970.208	-	337.942.200	12.215.652.408
Tăng trong kỳ	-	18.925.956	-	630.865.199	649.791.155
Giảm trong kỳ	-	-	-	405.570.399	405.570.399
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>11.264.740.000</b>	<b>631.896.164</b>	<b>-</b>	<b>563.237.000</b>	<b>12.459.873.164</b>

(\*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
<b>Cộng</b>	<b>11.264.740.000</b>	<b>11.264.740.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		



**d. Cổ tức**

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 02/04/2015 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 3%/năm (tương ứng 337.942.200 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2015.

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	337.942.200	337.942.200
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	630.865.199	393.139.131
Phân phối lợi nhuận	405.570.399	393.139.131
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	337.942.200	337.942.200
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	337.942.200	337.942.200
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	67.628.199	55.196.931
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	11.794.174
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	18.925.956	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	48.702.243	43.402.757
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>563.237.000</b>	<b>337.942.200</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 03/NQ-ĐHCD ngày 02/04/2015 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2016/NQ-HĐQT ngày 08/01/2016.

**20. Tài sản thuê ngoài**

Tài sản nhận giữ hộ là giá trị còn lại của tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng; trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán sách	37.216.214.867	38.956.112.294
Doanh thu thiết bị giáo dục	16.222.644.543	15.204.865.711
Doanh thu khác (gỗ, mộc)	1.008.271.320	1.478.940.167
<b>Cộng</b>	<b>54.447.130.730</b>	<b>55.639.918.172</b>

**22. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	272.792.383	112.961.440
<b>Cộng</b>	<b>272.792.383</b>	<b>112.961.440</b>

**23. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn bán sách	34.257.022.106	36.210.494.084
Giá vốn thiết bị giáo dục	14.325.854.448	13.391.606.789
Giá vốn khác (gỗ, mộc)	556.830.800	1.135.038.696
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.725.869)	(10.577.891)
<b>Cộng</b>	<b>49.132.981.485</b>	<b>50.726.561.678</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.512.441	59.531.643
Chiết khấu thanh toán	60.838.436	130.429.758
<b>Cộng</b>	<b>153.350.877</b>	<b>189.961.401</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	203.855.782	123.809.700
<b>Cộng</b>	<b>203.855.782</b>	<b>123.809.700</b>

**26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	1.489.324.014	1.639.685.341
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng tiêu dùng	283.553.960	438.712.100
Các khoản khác	592.139.835	399.806.312
<b>Cộng</b>	<b>2.365.017.809</b>	<b>2.478.203.753</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	847.466.169	914.512.398
Chi phí trợ cấp mất việc làm	191.233.500	139.903.250
Chi phí nộp thuế đất	231.074.953	141.411.909
Các khoản khác	1.160.754.603	1.045.671.582
<b>Cộng</b>	<b>2.430.529.225</b>	<b>2.241.499.139</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27. Thu nhập khác**

	Năm 2015	Năm 2014
Thu tiền điện, nước	9.468.660	3.928.776
Thu tiền cho thuê nhà, kho bãi	505.546.461	231.045.456
Thanh lý công cụ, dụng cụ, vật liệu	909.091	15.822.637
Thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	49.459.864	138.181.819
Xử lý kiểm kê	6.706.320	7.954.874
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	-	28.254.200
Thu nhập khác	121.693.834	121.382.019
<b>Cộng</b>	<b>693.784.230</b>	<b>546.569.781</b>

**28. Chi phí khác**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí tiền phạt	-	257.161
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, hàng hóa thanh lý	14.309.532	148.308.940
Xử lý kiểm kê	12.879.192	10.623.027
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	20.000.000
Chi phí khác	22.056.584	2.427.457
<b>Cộng</b>	<b>69.245.308</b>	<b>181.616.585</b>

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	819.843.845	511.797.059
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	39.150.000	27.557.161
- Điều chỉnh tăng	39.150.000	27.557.161
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	20.000.000
+ Phụ cấp Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	19.150.000	7.300.000
- Phạt chậm nộp thuế	-	257.161
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	858.993.845	539.354.220
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>188.978.646</b>	<b>118.657.928</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	188.978.646	118.657.928
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	630.865.199	393.139.131
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(48.702.243)	(43.402.757)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	48.702.243	43.402.757
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	582.162.956	349.736.374
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>517</b>	<b>310</b>

**31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	332.602.002	523.258.258
Chi phí nhân công	2.344.113.683	2.568.126.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	315.774.624	308.491.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	764.654.250	791.428.837
Chi phí khác bằng tiền	1.258.158.375	1.159.006.630
<b>Cộng</b>	<b>5.015.302.934</b>	<b>5.350.312.261</b>

**32. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	20.424.080.581	13.734.568.419
<b>Cộng</b>	<b>20.424.080.581</b>	<b>13.734.568.419</b>

**33. Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong kỳ**

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(20.424.080.581)	(13.734.568.419)
<b>Cộng</b>	<b>(20.424.080.581)</b>	<b>(13.734.568.419)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	12.270.450.349	11.804.530.689
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	19.966.037.310	21.383.799.059
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Mua hàng	219.919.950	293.579.606
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Mua hàng	221.118.230	353.139.862

**c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2015	Năm 2014
Lương của Ban Giám đốc	272.100.000	272.100.000
Thưởng của Ban Giám đốc	8.600.000	8.600.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	55.200.000	31.200.000
<b>Cộng</b>	<b>335.900.000</b>	<b>311.900.000</b>

**35. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**36. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ

phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán hàng kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.165.894.166	-	2.165.894.166
Phải trả khác	84.118.807	2.000.000	86.118.807
<b>Cộng</b>	<b>2.250.012.973</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.252.012.973</b>
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.389.914.597	-	2.389.914.597
Phải trả khác	92.279.524	2.000.000	94.279.524
<b>Cộng</b>	<b>2.482.194.121</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.484.194.121</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.818.816.924	-	1.818.816.924
Đầu tư tài chính	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.097.774.484	-	1.097.774.484
Phải thu khác	21.963.171	-	21.963.171
<b>Cộng</b>	<b>4.938.554.579</b>	<b>-</b>	<b>4.938.554.579</b>

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.776.223.634	-	2.776.223.634
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	2.602.925.841	-	2.602.925.841
Phải thu khác	2.581.989	-	2.581.989
<b>Cộng</b>	<b>5.381.731.464</b>	<b>-</b>	<b>5.381.731.464</b>

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Quỹ đầu tư phát triển	441.475.679	612.970.208
Quỹ dự phòng tài chính	171.494.529	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	349	310

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Đình Thuận**